

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 08 - 01- 2021.

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Huệ.

Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại Nhà Văn hóa xã S, Tòa án nhân dân huyện S xét xử lưu động vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-DS ngày 29/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Pa R (Tên gọi khác: R), sinh năm 1950.

Người được ủy quyền: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1984 (Có mặt).

Cùng có địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hồng Thị T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Q (Có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Vợ chồng ông Đinh Văn D, sinh năm 1977, bà Đinh Thị R1 (Tên gọi khác: Đinh Thị Tr), sinh năm 1979 (Ông D có mặt, bà R1 vắng mặt).

2.2. Vợ chồng ông Đinh Văn Tr (Tên gọi khác: Đinh Văn Tr), sinh năm 1952 và bà Đinh Thị T1, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

2.3. Vợ chồng ông Đinh Tà N, sinh năm 1954, bà Đinh Thị Va R (Tên gọi khác: Đinh Thị Va R), sinh năm 1958 (Vắng mặt).

2.4. Vợ chồng ông Đinh Văn Ch, sinh năm 1953, bà Đinh Thị T2, sinh năm 1957(Vắng mặt).

2.5. Vợ chồng ông Đinh Văn M, sinh năm 1953, bà Đinh Thị L1, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

2.6. Bà Đinh Thị L2, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

2.7. Vợ chồng ông Đinh Văn Th, sinh năm 1979, bà Đinh Thị Ph, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

2.8. Vợ chồng ông Đinh Văn Y, sinh năm 1948, bà Đinh Thị R2, sinh năm 1946 (Vắng mặt).

Cùng có địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1984.

3.2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1982.

Cùng có địa chỉ: Thôn Làng R, xã S, huyện S, tỉnh Q (Bà Hà ủy quyền cho ông H).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, bà Hà: Bà Bùi Thị Thuyết A – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Q (Có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q.

4.2. Ông Đinh Thanh Ng, sinh năm 1941 (Vắng mặt).

4.3. Ông Đinh Văn Nh, sinh năm 1930 (Vắng mặt).

Cùng có địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 của bà Đinh Thị Pa R, bản tự khai ngày 27/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Thanh H người được nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền trình bày:

Nguyên thừa đất, diện tích 14.529m², tại Gò S, thôn T, xã S, huyện S do hộ gia đình ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R canh tác từ năm 1991.

Đến năm 2008, hộ ông L, bà R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.529m², mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 663060, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00560 do UBND huyện S cấp ngày 25/6/2008.

Đến tháng 6 năm 2016, ông Lê Thanh H trồng 3.000 cây keo và sau đó trồng tiếp 500 cây keo thì bị chặt phá. Đến tháng 7 năm 2016, ông H phát hiện vợ chồng ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 đến lần chiếm 1.157m²; vợ chồng ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph đến lần chiếm 1.952m²; bà Đinh Thị L2 đến lần chiếm 1.940m²; vợ chồng ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 đến lần chiếm 3.359m²; vợ chồng ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R đến lần chiếm 1.070m²; vợ chồng ông Đinh Văn Tr và bà Đinh Thị T1 đến lần chiếm 2.326m²; vợ chồng ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1 đến lần chiếm 1.343m²; vợ chồng ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 đến lần chiếm 1.374m². Hiện diện tích đất các hộ lần chiếm của hộ ông L, bà R đang trồng keo khoảng 02 năm tuổi. Hộ ông L, bà R yêu cầu các hộ trả lại diện tích lần chiếm nhưng các hộ không trả và UBND xã S, huyện S đã giải quyết nhưng không thành.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2020 xác định:

- Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà R với ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 là 1.216m², trên đất có 486 cây keo trồng được 1,5 năm tuổi.
- Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà R với ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 là 1.507m², trên đất có 602 cây keo trồng được 1,5 năm tuổi.
- Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà R với ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R là 575m², trên đất có 230 cây keo trồng được 02 năm tuổi.
- Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà R với ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 là 1.047m², trên đất có 418 cây keo trồng được 1,5 năm tuổi.
- Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà R với ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 là 3.574m², trên đất có 1429 cây keo trồng được 02 năm tuổi.
- Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà R với bà Đinh Thị L2 là 1.149m², trên đất có 459 cây keo trồng được 1,5 năm tuổi.
- Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà R với ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph là 2.062m², trên đất có 824 cây keo trồng được 1,5 năm tuổi.
- Diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà R với ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 là 1.000m², trên đất có 400 cây keo trồng được 1,5 năm tuổi.

Nay hộ ông Lê Thanh L, bà Đinh Thị Pa R yêu cầu Tòa án nhân dân huyện S giải quyết buộc các hộ khai thác hoặc phá bỏ keo trả lại diện tích đất đã lần chiếm,

cụ thể: Ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 trả lại diện tích đất 1.216m²; ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 trả lại diện tích đất 1.507m²; ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R trả lại diện tích đất 575m²; ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 trả lại diện tích đất 1.047m²; ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 trả lại diện tích đất 3.574m²; bà Đinh Thị L2 trả lại diện tích đất 1.149m²; ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph trả lại diện tích đất 2.062m²; ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 trả lại diện tích đất 1.000m².

Tại biên bản lấy khai ngày 08/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020, bản trình bày ý kiến, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.343m², phía Đông giáp đất ông Đinh Tà N; phía Tây giáp đường liên thôn; phía Nam giáp đất bà Đinh Thị T1; phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn Nh; địa chỉ thửa đất tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q là của vợ chồng ông Đinh Văn Nh, bà Đinh Thị T (cha mẹ đẻ của ông D) khai hoang vào năm nào thì vợ chồng ông bà không nhớ. Vì lúc đó ông D còn nhỏ, hiện cha ông D đã qua đời, mẹ thì mù, tai lại điếc.

Khai hoang xong, cha mẹ ông D sử dụng liên tục đất để trồng mì. Đến năm 1992, Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tại G giao đất để thực hiện dự án trồng cà phê, trong đó có thửa đất của cha mẹ ông. Vì Nhà nước nên cha mẹ ông đồng ý giao đất. Việc cam kết giữa cha mẹ ông D và Tổng đội Thanh niên xung phong chỉ nói bằng miệng không thể hiện qua giấy tờ, nên vợ chồng ông D, bà R1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đầu năm 2004, Tổng đội Thanh niên xung phong trồng cà phê không hiệu quả nên giải thể, hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R nhận khoán, bảo vệ cũng không giao trả lại đất cho vợ chồng ông bà canh tác, sử dụng. Hộ ông L, bà R liên tục trồng keo vụ này đến vụ khác. Đến năm 2018, ông D, bà R1 vào phát dọn và trồng mì, sau khi thu hoạch mì xong, ông bà trồng keo khoảng 1,5 năm tuổi.

Trong quá trình vợ chồng ông L, bà Pa R canh tác, sử dụng, ông D, bà R1 không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích đất 1.343m², vợ chồng ông D, bà R1 chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay hộ ông L, bà Pa R yêu cầu vợ chồng ông D, bà R1 trả lại diện tích đất 1.343m² tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q, vợ chồng ông bà đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 2.326m², phía Đông giáp đất ông Đinh Tà N; phía Tây giáp đường liên thôn; phía Nam giáp đất bà Đinh Thị L1; phía Bắc giáp đất

ông Đinh Văn D; địa chỉ thửa đất tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q là của vợ chồng ông Tr, bà T1 khai hoang vào năm nào thì vợ chồng ông bà không nhớ.

Khai hoang xong ông bà sử dụng liên tục đất để trồng mì. Đến năm 1992, Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tại Gò S giao đất để thực hiện dự án trồng cà phê, trong đó có thửa đất của ông bà. Tổng đội Thanh niên xung phong có cam kết với các hộ, nếu trồng cà phê không hiệu quả thì sẽ hoàn trả lại nên ông bà đồng ý giao đất. Việc cam kết giữa ông Tr, bà T1 và Tổng đội Thanh niên xung phong chỉ nói bằng miệng, không thể hiện qua giấy tờ, nên vợ chồng ông Tr, bà T1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đầu năm 2004, Tổng đội Thanh niên xung phong trồng cà phê không hiệu quả nên giải thể, hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R nhận khoán, bảo vệ này sinh chiếm đoạt toàn bộ diện tích đất không giao trả lại cho ông Tr, bà T1. Ông bà đã trao đổi với hộ ông L, bà Pa R xin lại đất để sản xuất nhưng họ kiên quyết đấu tranh không chịu giao trả lại đất. Đến năm 2018, vợ chồng Tr, bà T1 vào phát dọn và trồng mì, sau khi thu hoạch mì xong, ông bà trồng keo khoảng 1,5 năm tuổi.

Trong quá trình hộ ông L, bà Pa R canh tác, sử dụng, vợ chồng ông Tr, bà T1 không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích đất 2.326m², ông Tr, bà T1 chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay hộ ông L, bà R yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà T1 trả lại diện tích đất 2.326m² tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q, vợ chồng ông bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy khai ngày 08/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020, bản trình bày ý kiến và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Tà N, bà Đinh Thị Va R trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.078m², phía Đông giáp đất bà Đinh Thị T1; phía Tây giáp đất bà Đinh Thị T2 và bà Đinh Thị L2; phía Nam giáp đất ông Đinh Văn Ch; phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn Nh, địa chỉ thửa đất tại Gò S, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q là vợ chồng ông N, bà Va R khai hoang vào năm năm 1981, ban đầu sử dụng đất để trồng mì, sau đó, sử dụng liên tục không bỏ hoang.

Mãi đến năm 1992, Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tại Gò S giao đất để thực hiện dự án trồng cà phê, trong đó có thửa đất của ông bà. Tổng đội Thanh niên xung phong có cam kết nếu trồng cà phê không hiệu quả thì sẽ hoàn trả lại nên ông bà đồng ý giao đất. Việc cam kết giữa ông N, bà Va R và Tổng đội Thanh niên xung phong chỉ thể hiện bằng miệng không có thể hiện qua giấy tờ, nên vợ chồng ông bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đầu năm 2004, Tổng đội Thanh niên xung phong trồng cà phê không hiệu quả nên giải thể, hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R nhận khoán, bảo vệ

không giao trả lại đất cho ông bà. Hộ ông L, bà Pa R liên tục trồng keo vụ này đến vụ khác.

Đến năm 2017, con ông L, bà Pa R là ông Lê Thanh H khai thác keo xong thì các hộ liên quan tự đến lần chiếm lấy đất của hộ ông L, bà Pa R. Vì ông N, bà Va R sợ những hộ khác lấy nhầm đất nên ông bà mới khoanh lại đúng vị trí mà ông bà khai hoang. Đến năm 2018, vợ chồng ông N, bà Va R phát dọn trồng mì, sau khi thu hoạch mì xong thì vợ chồng ông bà trồng keo xen mì khoảng 2 năm tuổi.

Trong quá trình hộ ông L, bà Pa R canh tác, sử dụng, vợ chồng ông N, bà Va R không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích đất 1.078m², ông bà chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay hộ ông L, bà Pa R yêu cầu vợ chồng ông N, bà Va R trả lại diện tích đất 1.078m² tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q, vợ chồng ông bà đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020, bản trình bày ý kiến và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Văn Ch, bà Đinh Thị T2 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.374m², phía Đông và phía Nam giáp đất bà Đinh Thị L1; phía Tây giáp đất bà Đinh Thị Ph và bà Đinh Thị L2; phía Bắc giáp đất ông Đinh Tà N; địa chỉ thửa đất tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q do cha mẹ ông Ch, bà T2 là ông Đinh Văn Nh và bà Đinh Thị Và L khai hoang trước năm 1975 (Hiện nay ông Nh, bà L đã chết).

Sau khi ông Ch, bà T2 kết hôn, cha mẹ giao đất rẫy này cho vợ chồng ông bà sử dụng. Đến năm 1992, Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tại Gò S giao đất để trồng cà phê, trong đó có thửa đất vợ chồng ông bà. Tổng đội Thanh niên xung phong có cam kết nếu trồng cà phê không hiệu quả thì sẽ hoàn trả lại diện tích đất cho các hộ nên ông bà đồng ý giao đất. Việc cam kết giữa vợ chồng ông bà và Tổng đội Thanh niên xung phong chỉ nói bằng miệng không thể hiện qua giấy tờ, nên vợ chồng ông bà không có tài liệu chứng cứ, chứng minh.

Đầu năm 2004, Tổng đội Thanh niên xung phong trồng cà phê không hiệu quả nên giải thể, hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R nhận khoán, bảo vệ không giao trả lại đất cho ông bà. Hộ ông L, bà Pa R liên tục trồng keo vụ này đến vụ khác, mãi đến năm 2018, vợ chồng ông Ch, bà T2 mới lấy lại đất để trồng mì, sau khi thu hoạch mì xong, ông Ch, bà T2 trồng keo khoảng 1,5 năm tuổi.

Trong quá trình vợ chồng ông L, bà Pa R canh tác, sử dụng, ông Ch, bà T2 không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích đất 1.374m², ông bà chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay hộ ông L, bà Pa R yêu cầu ông Ch, bà T2 trả lại diện tích đất 1.374m² tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q, vợ chồng ông bà đồng ý.

Tại biên bản lấy khai ngày 08/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị L1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 3.359m², phía Đông giáp đất ông Đinh Tà N; phía Tây giáp đường liên thôn; phía Nam giáp đất bà Đinh Thị T2; phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn Nh, địa chỉ thửa đất tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q là do ông M, bà L1 khai hoang vào năm 1981, ban đầu ông bà sử dụng đất để trồng mì, sử dụng liên tục không bỏ hoang.

Đến năm 1992, Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tại Gò S giao đất để thực hiện dự án trồng cà phê, trong đó có thửa đất của ông bà. Tổng đội Thanh niên xung phong có cam kết nếu trồng cà phê không hiệu quả thì sẽ hoàn trả lại nên ông bà đồng ý giao đất. Việc cam kết giữa vợ chồng ông bà và Tổng đội Thanh niên xung phong chỉ nói bằng miệng không thể hiện qua giấy tờ, nên vợ chồng ông bà không có tài liệu chứng cứ, chứng minh.

Đầu năm 2004, Tổng đội Thanh niên xung phong trồng cà phê không hiệu quả nên giải thể, hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R nhận khoán, bảo vệ không giao trả lại đất cho ông bà. Hộ ông L, bà R liên tục trồng keo vụ này đến vụ khác. Đến năm 2017, con ông L, bà R là anh Lê Thanh H khai thác keo xong, vợ chồng ông M, bà L1 đến nói chuyện lấy lại diện tích đất để canh tác thì anh H trả lời là đất của cha mẹ anh làm từ trước đến nay và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không trả lại đất cho ông bà. Đến năm 2018, ông M, bà L1 mới lấy lại đất để trồng mì và trồng keo xen mì, hiện nay cây keo được khoảng 2 năm tuổi.

Trong quá trình hộ ông L, bà Pa R canh tác, sử dụng, vợ chồng ông M, bà L1 không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích đất 3.359m², ông bà chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay hộ ông L, bà Pa R yêu cầu vợ chồng ông M, bà L1 trả lại diện tích đất 3.359m² tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q, ông bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy khai ngày 08/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đinh Thị L2 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.940m², phía Đông và phía Nam giáp đất ông Đinh Văn T; phía Tây giáp đất bà Đinh Thị Phv và bà Đinh Thị R2; phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn Ch; địa chỉ thửa đất tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q là do bà khai hoang vào năm nào thì bà không nhớ rõ, ban đầu bà sử dụng đất để trồng mì.

Đến năm 1992, Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tại G giao đất để thực hiện Dự án trồng cà phê, trong đó có thửa đất của bà L2. Tổng đội Thanh niên xung phong có cam kết nếu trồng cà phê không hiệu quả thì sẽ hoàn trả lại nên bà đồng ý giao đất. Việc cam kết giữa bà và Tổng đội Thanh niên xung phong chỉ nói bằng miệng không thể hiện qua giấy tờ, nên bà không có tài liệu chứng cứ, chứng minh.

Đầu năm 2004, Tổng đội Thanh niên xung phong trồng cà phê không hiệu quả nên giải thể, hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R nhận khoán, bảo vệ không giao trả lại đất cho bà. Hộ ông L, bà R liên tục trồng keo vụ này đến vụ khác. Đến năm 2017, con ông L, bà R là anh Lê Thanh H khai thác keo xong, bà L2 đến nói chuyện xin lại diện tích đất để canh tác thì anh H trả lời là đất của cha mẹ anh làm từ trước đến nay và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không trả lại đất cho bà. Đến năm 2018, bà L2 mới lấy lại đất để trồng mì, sau khi thu hoạch mì, bà trồng keo được khoảng 1,5 năm tuổi.

Trong quá trình hộ ông L, bà Pa R canh tác, sử dụng, bà L2 không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích đất 1.940m², bà chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay hộ ông L, bà Pa R yêu cầu bà L2 trả lại diện tích đất 1940m² tại G, thôn T, xã Sơn Kỳ, huyện S, tỉnh Q, bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy khai ngày 08/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đinh Văn Th, bà Đinh Thị Ph trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.952m², phía Đông giáp đất ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị L2; phía Tây giáp đường liên thôn; phía Nam giáp đất bà Đinh Thị R2; phía Bắc giáp đất bà Đinh Thị L2; địa chỉ thửa đất tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q là của cha mẹ ông Th là ông Đinh Văn D (chết) và bà Đinh Thị L khai hoang vào năm nào thì vợ chồng ông bà không nhớ.

Cha mẹ ông bà canh tác trồng bắp, đậu đen, đậu xanh; sử dụng liên tục, không bỏ hoang. Đến năm 1992, Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tại Gò S giao đất để thực hiện dự án trồng cà phê, trong đó có thửa đất của cha mẹ ông bà. Vì Nhà nước nên cha mẹ ông bà đồng ý giao đất. Việc cam kết giữa cha mẹ ông bà và Tổng đội Thanh niên xung phong chỉ nói bằng miệng không thể hiện qua giấy tờ, nên vợ chồng ông bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đầu năm 2004, Tổng đội Thanh niên xung phong trồng cà phê không hiệu quả nên giải thể, hộ ông L, bà Pa R nhận khoán, bảo vệ không giao trả lại cho vợ chồng ông bà. Hộ ông L, bà Pa R liên tục trồng keo vụ này đến vụ khác. Đến năm

2018, ông Th, bà Ph đến phát dọn và trồng mì; sau khi thu hoạch mì xong, ông bà trồng keo khoảng 1,5 năm tuổi.

Trong quá trình vợ chồng ông L, bà Pa R canh tác, sử dụng, ông Th, bà Ph không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích đất 1.952m², vợ chồng ông Th, bà Ph chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay hộ ông L, bà Pa R yêu cầu vợ chồng, ông Th, bà Ph trả lại diện tích đất 1.952m² tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q, vợ chồng ông bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy khai ngày 08/7/2020, biên bản đối chất ngày 19/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đinh Văn Y, bà Đinh Thị R2 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.157m², phía Đông giáp đất bà Đinh Thị L2; phía Tây giáp đường liên thôn; phía Nam giáp đất ông Đinh Ta N; phía Bắc giáp đất bà Đinh Thị Ph; địa chỉ thửa đất tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q là của vợ chồng ông bà khai hoang vào năm 1976.

Khai hoang xong ông Y, bà R2 sử dụng liên tục đất để trồng mì, các vụ tiếp theo trồng đậu xanh, đậu đen. Đến năm 1992, Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tại Gò S giao đất để thực hiện dự án trồng cà phê, trong đó có thửa đất của vợ chồng ông bà. Vì Nhà nước nên ông bà đồng ý giao đất. Việc cam kết giữa ông Y, bà R2 và Tổng đội Thanh niên xung phong chỉ nói bằng miệng, không có thể hiện qua giấy tờ, nên vợ chồng ông bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đầu năm 2004, Tổng đội Thanh niên xung phong trồng cà phê không hiệu quả nên giải thể, hộ ông L, bà Pa R nhận khoán, bảo vệ nẩy sinh chiếm đoạt toàn bộ diện tích đất không giao trả lại cho ông Y, bà R2. Ông bà đã trao đổi với hộ ông L, bà Pa R xin lại đất để sản xuất nhưng họ kiên quyết đấu tranh không chịu giao trả lại đất. Đến năm 2018, ông Y, bà R2 đến phát dọn và trồng mì; sau khi thu hoạch mì xong, ông bà trồng keo khoảng 1,5 năm tuổi.

Trong quá trình hộ ông L, bà Pa R canh tác, sử dụng, vợ chồng ông Y, bà R2 không khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích đất 1.157m², ông bà chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay hộ bà Đinh Thị Pa R yêu cầu vợ chồng ông Y, bà R2 trả lại diện tích đất 1.157m² tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q, vợ chồng ông bà không đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hồng Thị Tr trình bày:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả xét hỏi tại phiên tòa cho thấy nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 12.130m² nằm trong

thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.529m², địa chỉ tại Gò S, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 663060 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 25/6/2008 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169, Điều 274 và Điều 287 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các hộ khai thác hoặc phá bỏ keo trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, cụ thể: Ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 trả lại diện tích đất 1.216m²; ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 trả lại diện tích đất 1.507m²; ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R trả lại diện tích đất 575m²; ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 trả lại diện tích đất 1.047m²; ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 trả lại diện tích đất 3.574m²; bà Đinh Thị L2 trả lại diện tích đất 1.149m²; ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph trả lại diện tích đất 2.062m², ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 trả lại diện tích đất 1.000m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thuyết A trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi được phân công thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm, Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đúng quy định. Một số bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất vị trí, diện tích, giới cận đất tranh chấp theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ 23/7/2020, đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự có đủ căn cứ khẳng định, diện tích đất tranh chấp 12.130m² thuộc thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11, diện tích 14.529m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 663060, địa chỉ thửa đất tại G, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Q do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R ngày 25/6/2008 là theo

đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, do đó thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ ông L và bà Pa R. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 169, Điều 274 và Điều 287 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn tự thu hoạch keo trên đất trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, cụ thể: Ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 trả lại diện tích đất 1.216m²; ông Đinh Văn Tr và bà Đinh Thị T1 trả lại diện tích đất 1.507m²; ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R trả lại diện tích đất 575m²; ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 trả lại diện tích đất 1.047m²; ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 trả lại diện tích đất 3.574m²; bà Đinh Thị L2 trả lại diện tích đất 1.149m²; ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph trả lại diện tích đất 2.062m², ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 trả lại diện tích đất 1.000m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, các bị đơn đều có địa chỉ nơi cư trú ở huyện S nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện S được quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; một số bị đơn được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xác định địa chỉ và diện tích đất tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2020 xác định cụ thể:

- Đối với diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà Pa R với ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 là 1216m², có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 lấn chiếm; Phía Tây giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 và đất ông Đinh Tà N, bà Đinh Thị Va R lấn chiếm; Phía Bắc giáp thửa đất 481, 486.

- Đối với diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà Pa R với ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 là 1507m², có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R lấn chiếm; Phía Tây giáp đường bê tông; phía Nam giáp đất ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 lấn chiếm; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1 lấn chiếm.

- Đối với diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà Pa R với ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R là 575m², có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Đinh Văn Ch

và bà Đinh Thị T2 lần chiếm; Phía Tây giáp đất ông Đinh Văn Tr và bà Đinh Thị T1 lần chiếm; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 lần chiếm; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1 lần chiếm;

- Đối với diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà Pa R với ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 là $1047m^2$, có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất số 482; Phía Tây giáp đất ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 lần chiếm; Phía Nam giáp đất bà Đinh Thị L2 lần chiếm và đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Bắc giáp thửa đất số 482, đất ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 và ông Đinh Tà N, bà Đinh Thị Va R lần chiếm.

- Đối với diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà Pa R với ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 là $3574m^2$, có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 và bà Đinh Thị L2 lần chiếm; Phía Tây giáp đất đường bê tông; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph lần chiếm; Phía Bắc giáp ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 và ông Đinh Tà N, bà Đinh Thị Va R lần chiếm;

- Đối với diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà Pa R với bà Đinh Thị L2 là $1149m^2$, có giới cận: Phía Đông giáp đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Tây giáp đất ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị L1 và ông Đinh Văn Th, bà Đinh Thị Ph lần chiếm; Phía Nam giáp đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 lần chiếm.

- Đối với diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà Pa R với ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph là $2062m^2$, có giới cận: Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị L2 lần chiếm và đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Tây giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 lần chiếm; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 lần chiếm.

- Đối với diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông L, bà Pa R với ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 là $1000m^2$, có giới cận: Phía Đông giáp đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Tây giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph lần chiếm.

Tất cả diện tích đất tranh chấp này đều thuộc thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11, diện tích $14529m^2$, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 25/6/2008, thửa đất tọa lạc tại G, xã S, huyện S, tỉnh Q, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00560, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 663060 phù hợp với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện S.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị Pa R:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp:

Nguyên thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11, diện tích $14.529m^2$, tọa lạc tại G, thôn T, xã S, huyện S là của Tổng đội Thanh niên xung phong Q vận động các hộ dân có đất tự nguyện giao đất để thực hiện dự án trồng cà phê. Vào năm 1992, Tổng đội

Thanh niên xung phong giao khoán cho hộ ông Lê Thanh L (chết năm 2011) và bà Đinh Thị Pa R quản lý, sử dụng trồng cà phê; do trồng không có hiệu quả nên Tổng đội Thanh niên xung phong Q giải thể; hộ ông L, bà Pa R tiếp tục canh tác, sử dụng. Đến năm 2008 hộ ông L, bà Pa R được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong thời gian hộ ông L và bà Pa R canh tác đã sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1992 đến năm 2017, các bị đơn không có ai đến ngăn cản hay tranh chấp; đồng thời những người ở gần đất tranh chấp cũng thừa nhận, diện tích đất tranh chấp là của hộ ông L, bà Pa R vì đã sử dụng trong một thời gian dài. Đến năm 2017 và năm 2018 thì các bị đơn mới tự ý vào lấn chiếm đất để canh tác, sử dụng cho đến nay.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Q- Chi nhánh S cung cấp; ý kiến của chính quyền địa phương xã S cho biết việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 123 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/4/2004. Quá trình làm thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn không ai khiếu nại, tranh chấp.

[4] Xét lời khai của các bị đơn ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1; ông Đinh Văn Tr và bà Đinh Thị T1; ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R; ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2; ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1; bà Đinh Thị L2; ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph; ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 cho rằng nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp trước đây là do cha mẹ và các ông bà khai hoang, canh tác, sử dụng. Đến năm 1992, Tổng đội thanh niên xung phong tỉnh Q vận động các hộ dân có đất giao đất để trồng dự án cà phê, trong đó có 08 hộ dân. Đến năm 2017 và năm 2018, các hộ dân đến lấy lại đất phát dọn trồng mì và trồng keo cho đến nay. Các bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh được diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

Riêng đối với vợ chồng ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1, vợ chồng ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2, vợ chồng ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R có ý kiến trình bày tự nguyện trả lại diện tích đất lấn chiếm cho hộ bà Đinh Thị Pa R nên được chấp nhận.

Tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Đồng thời, tại khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013 cũng quy định quyền của người sử dụng đất: “*Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình*”.

Như vậy, có căn cứ xác định đất tranh chấp đã được Nhà nước giao quyền sử dụng đất hợp pháp cho nguyên đơn nên được Nhà nước bảo hộ khi bị người khác

xâm phạm đến quyền sử dụng đất. Việc các bị đơn tự ý trồng cây trên đất của nguyên đơn mà không được sự đồng ý của nguyên đơn là hành vi lấn chiếm đất; nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, đã có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn thu hoạch tài sản trên đất (cây keo) trả lại diện tích đất lấn chiếm cho hộ ông L và bà Pa R, cụ thể như sau: Buộc vợ chồng ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1 trả lại diện tích đất 1.216m²; buộc vợ chồng ông Đinh Văn Tr và bà Đinh Thị T1 trả lại diện tích đất 1.507m²; buộc vợ chồng ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R trả lại diện tích đất 575m²; buộc vợ chồng ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 trả lại diện tích đất 1.047m²; buộc vợ chồng ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 trả lại diện tích đất 3.574m²; buộc bà Đinh Thị L2 trả lại diện tích đất 1.149m²; buộc vợ chồng ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph trả lại diện tích đất 2.062m²; buộc vợ chồng ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 trả lại diện tích đất 1.000m².

[5] Về giá trị tài sản (đất và cây keo) tranh chấp: Theo biên bản thỏa thuận giá tài sản giữa các đương sự ngày 19/8/2020 và biên bản định giá tài sản ngày 04/9/2020 xác định giá trị cụ thể như sau: Đất tranh chấp của ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 là 1216m² x 32.000 đồng/m² = 38.912.000 đồng, giá trị cây keo 9.720.000đồng; đất tranh chấp của ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 là 1507m² x 32.000 đồng/m² = 48.224.000 đồng, giá trị cây keo 18.060.000 đồng; đất tranh chấp của ông Đinh Tà N, bà Đinh Thị Va R là 575m² x 32.000 đồng/m² = 18.400.000 đồng, giá trị cây keo 4.060.000 đồng; đất tranh chấp của ông Đinh Văn Ch, bà Đinh Thị T2 là 1047m² x 32.000 đồng/m² = 33.504.000 đồng, giá trị cây keo 8.360.000 đồng; đất tranh chấp của ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị L1 là 3574m² x 32.000 đồng/m² = 114.368.000 đồng, giá trị cây keo 42.870.000 đồng; đất tranh chấp của bà Đinh Thị L2 là 1149m² x 32.000 đồng/m² = 36.768.000 đồng, giá trị cây keo 13.770.000 đồng; đất tranh chấp của ông Đinh Văn Th, bà Đinh Thị Ph là 2062m² x 32.000 đồng/m² = 65.984.000 đồng, giá trị cây keo 24.720.000 đồng; đất tranh chấp của ông Đinh Văn Y, bà Đinh Thị R2 là 1000m² x 32.000 đồng/m² = 32.000.000đồng, giá trị cây keo 12.000.000 đồng (Căn cứ bảng giá của Quyết định số: 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Q và Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 ban hành quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Q) là phù hợp với Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng; chi phí định giá tài sản 2.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Lê Thanh H đồng ý tự nguyện chịu thay cho các bị đơn nên được chấp nhận, khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng mà anh H đã nộp tạm ứng trước cho Tòa án vào ngày 09/7/2020 và ngày 20/8/2020.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158; khoản 1 Điều 165, Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 169; Điều 274 và Điều 287 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 166, Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1; vợ chồng ông Đinh Văn Tr và bà Đinh Thị T1; vợ chồng ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R; vợ chồng ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2; vợ chồng ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1; bà Đinh Thị L2; vợ chồng ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph; vợ chồng ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 đều phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất và trả lại diện tích đất lần chiếm tại thửa đất số 506, tờ bản đồ số 11, diện tích 14529m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 25/6/2008, thửa đất tọa lạc tại thôn G, xã S, huyện S, tỉnh Q, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00560, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 663060 cho hộ ông Lê Thanh L và bà Đinh Thị Pa R Cụ thể như sau:

1.1. Buộc vợ chồng ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1 phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất trả lại diện tích đất 1.216m² được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 lần chiếm; Phía Tây giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 và đất ông Đinh Tà N, bà Đinh Thị Va R lần chiếm; Phía Bắc giáp thửa đất số 481, 486.

1.2. Buộc vợ chồng ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất trả lại diện tích đất 1507m² được giới hạn bởi các điểm 1, 9, 8, 16, 15, 14, 13, 12, 11, 10, Có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R lần chiếm; Phía Tây giáp đường bê tông; phía Nam giáp đất ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 lần chiếm; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1 lần chiếm.

1.3. Buộc vợ chồng ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất trả lại diện tích đất 575m² được giới hạn bởi các điểm 8, 7, 20, 19, 18, 17, 15, 16. Có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 lần chiếm; Phía Tây giáp đất ông Đinh Văn Tr và bà Đinh Thị T1 lần chiếm; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 lần chiếm; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1 lần chiếm;

1.4. Buộc vợ chồng ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất trả lại diện tích đất 1047m² được giới hạn bởi các điểm 6, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 19, 20, 7. Có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất số 482; Phía Tây giáp đất ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 lần chiếm; Phía Nam giáp đất bà Đinh Thị L2 lần chiếm và đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Bắc giáp thửa đất 482, đất ông Đinh Văn D, bà Đinh Thị R1 và ông Đinh Tà N, bà Đinh Thị Va R lần chiếm.

1.5. Buộc vợ chồng ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất trả lại diện tích đất 3574m² được giới hạn bởi các điểm 13, 14, 15, 17, 18, 19, 31, 30, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38. Có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Đinh Văn Ch, bà Đinh Thị T2 và bà Đinh Thị L2 lần chiếm; Phía Tây giáp đất đường bê tông; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph lần chiếm; Phía Bắc giáp ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 và ông Đinh Tà N, bà Đinh Thị Va R lần chiếm;

1.6. Buộc bà Đinh Thị L2 phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất trả lại diện tích đất 1149m² được giới hạn bởi các điểm 30, 29, 28, 42, 41, 40, 39, 33, 32. Có giới cận: Phía Đông giáp đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Tây giáp đất ông Đinh Văn M, bà Đinh Thị L1 và ông Đinh Văn Th, bà Đinh Thị Ph lần chiếm; Phía Nam giáp đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 lần chiếm.

1.7. Buộc vợ chồng ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất trả lại diện tích đất 2062m² được giới hạn bởi các điểm 38, 37, 36, 35, 34, 33, 39, 43, 44, 45. Có giới cận: Phía Đông giáp đất bà Đinh Thị L2 lần chiếm và đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Tây giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 lần chiếm; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 lần chiếm.

1.8. Buộc vợ chồng ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 phải tự thu hoạch tài sản (cây keo) trên đất trả lại diện tích đất 1000m² được giới hạn bởi các điểm 44,

43, 50, 49, 48, 47, 46. Có giới cận: Phía Đông giáp đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Tây giáp đường bê tông; Phía Nam giáp đất còn lại của hộ ông L, bà Pa R; Phía Bắc giáp đất ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph lần chiếm.

(Kèm theo trích lục địa chính vị trí thửa đất trên thực địa ngày 23/7/2020, phần này không tách rời bản án).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh H chịu toàn bộ số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng chẵn) nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.000.000đồng mà anh H đã nộp tạm ứng trước cho Tòa án vào ngày 09/7/2020 và ngày 20/8/2020, anh H đã nộp đủ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Đinh Văn D và bà Đinh Thị R1 phải chịu 1.945.600 đồng ($1.216\text{m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

Buộc vợ chồng ông Đinh Văn Tr, bà Đinh Thị T1 phải chịu 2.411.200 đồng ($1.507\text{m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

Buộc ông Đinh Tà N và bà Đinh Thị Va R phải chịu 920.000 đồng ($575\text{m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

Buộc ông Đinh Văn Ch và bà Đinh Thị T2 phải chịu 1.675.200đồng ($1.047\text{m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

Buộc ông Đinh Văn M và bà Đinh Thị L1 phải chịu 5.718.400 đồng ($3.574\text{m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

Buộc bà Đinh Thị L2 phải chịu 1.838.400 đồng ($1.149\text{m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

Buộc ông Đinh Văn Th và bà Đinh Thị Ph phải chịu 3.299.200 đồng ($2.062\text{m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

Buộc ông Đinh Văn Y và bà Đinh Thị R2 phải chịu 1.600.000 đồng ($1.000\text{m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5\%$).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Ngọc Thông

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Huệ

Nguyễn Thị Nguyệt

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;

- VKSND huyện Sơn Hà;

- Chi cục THADS huyện Sơn Hà;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ ;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Thông

- Chủ tọa phiên tòa	Các Hội Thẩm nhân dân	Thẩm phán
---------------------	-----------------------	-----------

Đinh K Lít